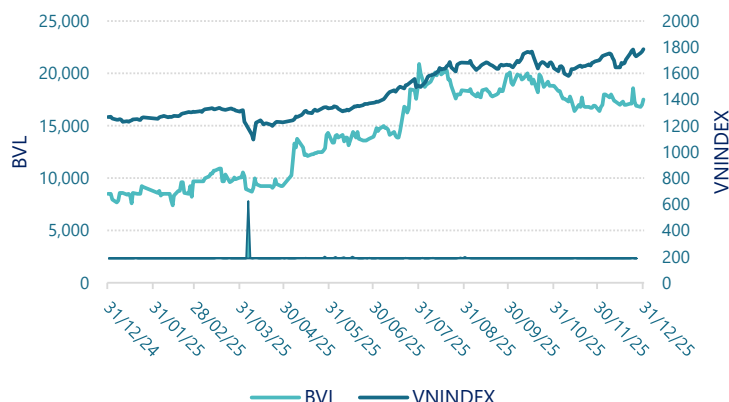




CTCP BV Land (UPCOM: BVL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,391
SL cổ phiếu LH	89,411,287
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,745
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,565
P/E	4.7
EPS	3,701

DT thuần

Q4/25

216

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 7.0%

YoY: ▲ 10.0 | 4.9%

LN sau thuế

Q4/25

38.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.10 | -7.5%

YoY: ▲ 44.3 | 754%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

32.7%

+/- YoY: ▲ 27.5%

DT thuần

2025

1,470

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 666 | 82.9%

LN sau thuế

2025

370

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 352 | 1989%

ROE

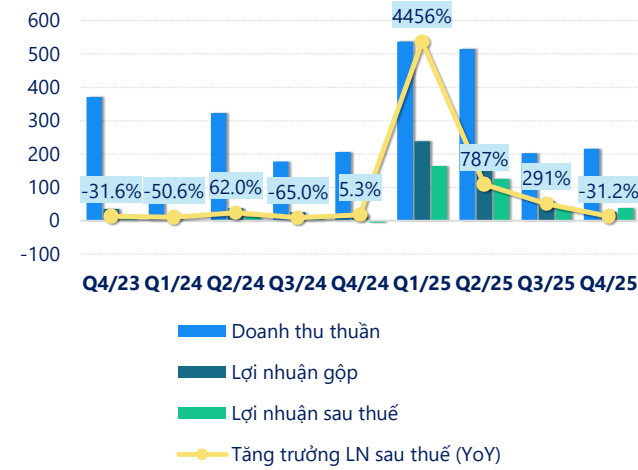
2025

23.0%

+/- YoY: ▲ 22.3%

tỷ VNĐ

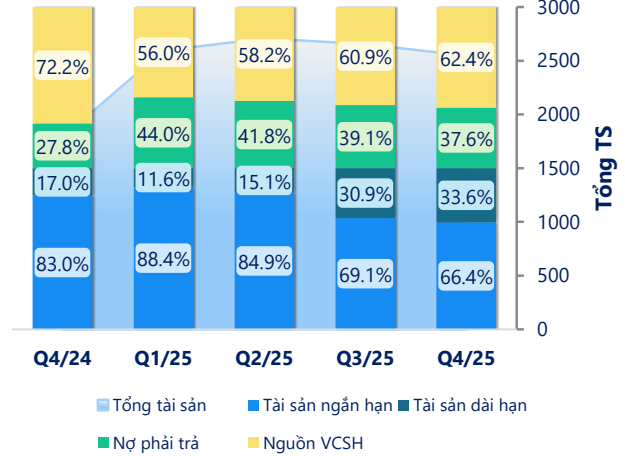
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

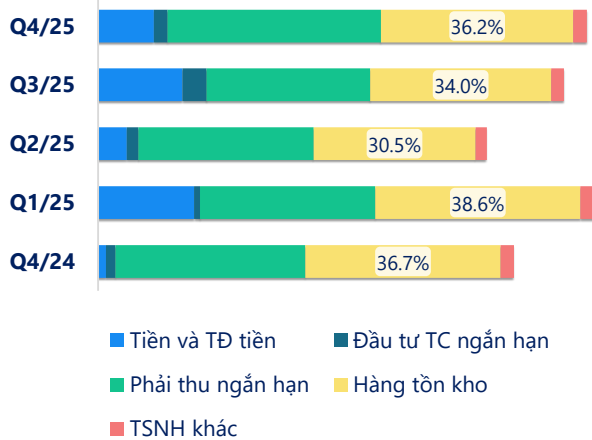
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



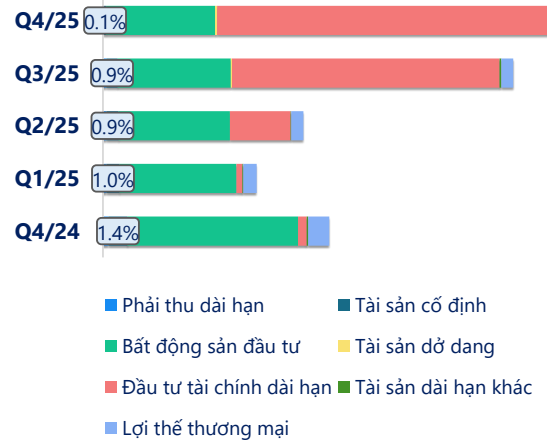
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

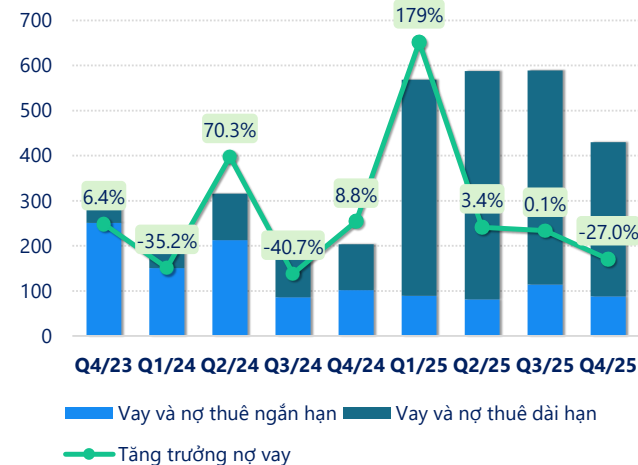
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

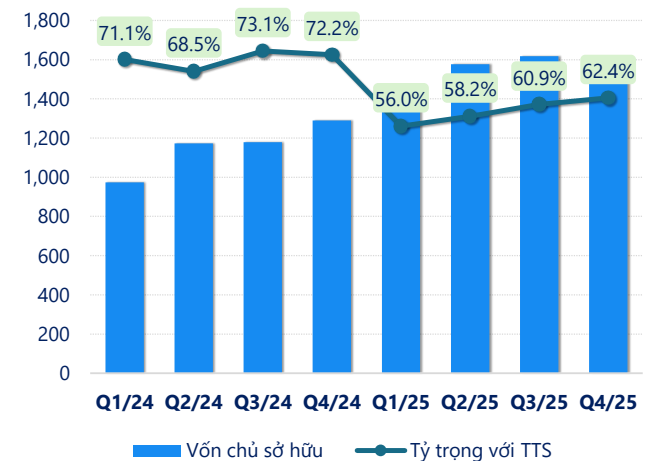
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

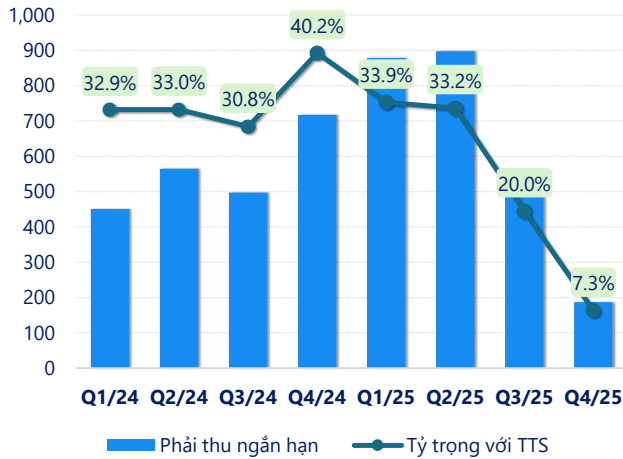
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



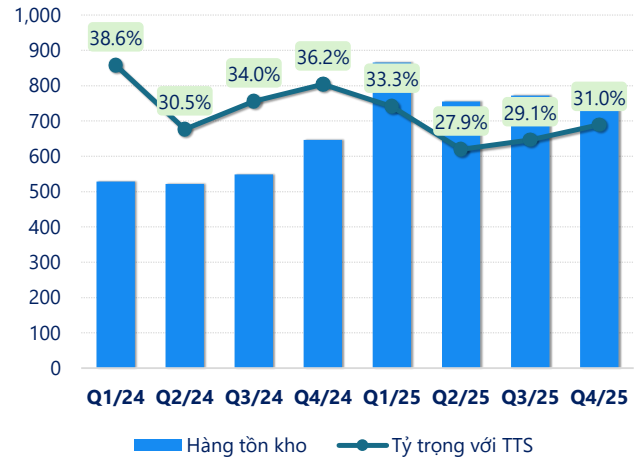
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


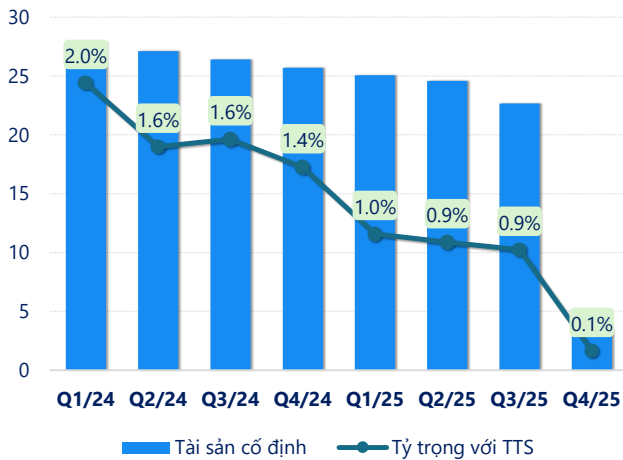
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


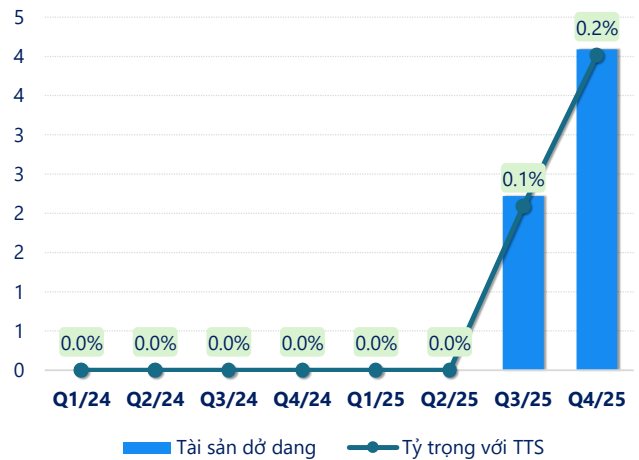
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

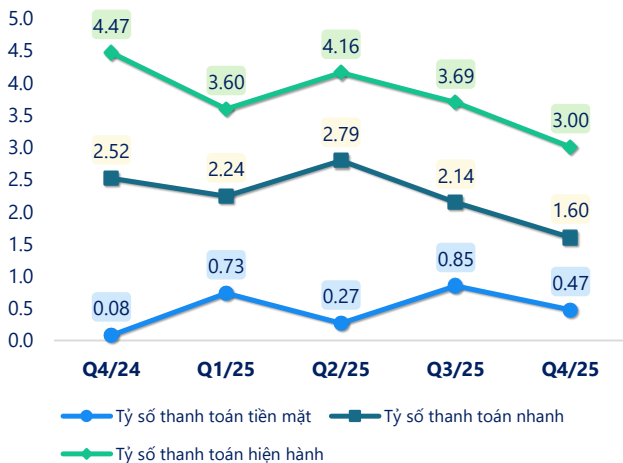
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

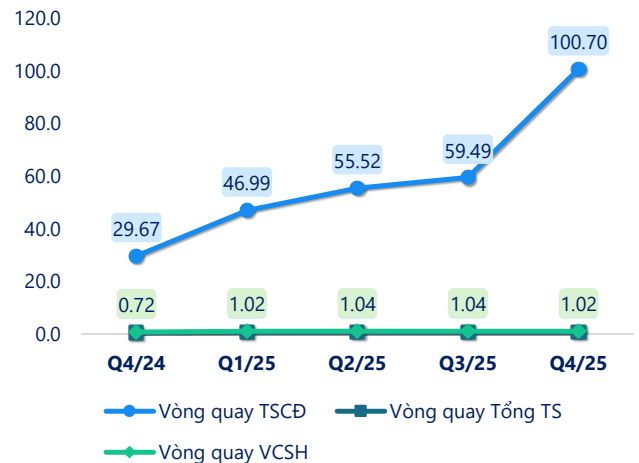
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,786	2,595	2,708	2,655	2,546
Tài sản ngắn hạn	1,482	2,294	2,299	1,836	1,690
Tiền và tương đương tiền	26.9	469	147	421	267
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.7	38.9	461	64.3	324
Phải thu ngắn hạn	718	878	898	531	187
Hàng tồn kho	646	865	755	772	790
Tài sản ngắn hạn khác	46.1	43.2	38.8	47.2	123
Tài sản dài hạn	304	300	408	819	856
Phải thu dài hạn	7.30	7.04	7.10	6.82	2.28
Tài sản cố định	25.7	25.1	24.6	22.7	3.51
Bất động sản đầu tư	229	229	227	226	209
Tài sản dở dang	0	0	0	2.22	4.09
Đầu tư tài chính dài hạn	11.6	11.6	124	535	635
Tài sản dài hạn khác	1.93	1.49	1.09	3.86	0.46
Lợi thế thương mại	28.3	26.6	24.9	23.2	1.63
Nợ phải trả	496	1,141	1,131	1,037	956
Nợ ngắn hạn	332	638	553	497	563
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	89.1	81.3	114	87.6
Phải trả người bán ngắn hạn	60.5	87.0	44.2	43.3	51.3
Nợ dài hạn	164	503	578	540	393
Vay và nợ thuê dài hạn	102	480	507	474	342
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,290	1,454	1,577	1,618	1,590
Vốn chủ sở hữu	1,290	1,454	1,577	1,618	1,590
Vốn điều lệ	828	828	828	894	894
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)